

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH TẬP GIẢI

QUYỂN 6

Phẩm 3: AI THÁN (Phần 1)

Giải thích: mặt đất rung chuyển: phát ra Mười lăm pháp môn như không, bất không không, v.v...

Ví dụ thành báu hợp với chánh pháp.

Giải thích: Niết-bàn của chữ y.

Giải thích: Nghĩa Hoặc lia, hoặc không lia tư tưởng vô thường.

Giải thích ý nghĩa năm mươi bảy phiên nã.

Xét: Pháp sư Tuệ Lãng nói lại lời của Tăng Tông rằng: “Từ cuối phẩm trước, Đức Thế tôn phát ra ánh sáng từ miệng, thôi thúc cúng dường. Cuối cùng là ví dụ ngọc lưu ly, cũng là môn Thỉnh, để nói về thường. Đây là nói về căn cơ bậc Hạ, gồm có sáu đoạn:

1. Phát ra ánh sáng thôi thúc cúng dường.
2. mặt đất rung chuyển, đại chúng buồn bã than thở.
3. Nói năm thí dụ, chê bai việc thỉnh Phật.
4. Đức Phật khuyến khích, hỏi han, lại được sở đắc kia.
5. Tỳ-kheo khen ngợi giáo pháp tích.
6. Nói tu vượt hơn.

Kính Di ghi lời của Tăng Tông rằng: “Phẩm Ai Thán đầu tiên, cũng thuộc về Thuần-đà cùng với đại chúng thỉnh Phật ở đời của phẩm trước, là môn thỉnh thứ hai, nói về thường.”

Từ câu “Lại, nếu Tỳ-kheo có nghi ngờ” v.v... trở xuống, là mở bày môn khuyến đoạt thứ ba trong Tông chỉ, để nói về thường. Có bốn phần:

1. Đoạt quả.
2. Đoạt nhân.
3. Nêu ví dụ châu báu, thành tựu quả xưa, cho nên trống rỗng.
4. Kết hội hai giáo.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Phẩm này chia ra bảy đoạn:

1. Nói kệ và văn xuôi: Bày tỏ nỗi khổ của mình, chê bai việc thỉnh Phật.

2. Đức Phật liền khuyên xả bỏ pháp tu sở đắc trước kia.

3. Tỳ-kheo lại thỉnh Phật trụ ở đời nữa để dạy bảo chúng ta phương pháp tu.

4. Đức Phật lại khuyên các Tỳ-kheo sao cho chỉ theo giáo pháp Phật để tu ba tu vượt hơn, thì sẽ được quả thưởng.

5. Tỳ-kheo lại thỉnh, nếu quả Phật là thưởng, thì sao Đức Phật không ở đời để dạy cho chúng ta biết phương pháp tu vượt hơn ư?

6. Lại khuyên nói ngày nay ta diệt độ là vì ông có chứng bệnh chấp nghiêng lệch, ông chỉ cần dừng bảo thủ những gì mình đã làm ngay xưa là thật. Đã ba lần khuyên, ba lần thỉnh xong.

Mọi người bắt đầu mang một nỗi nghi ngờ: Về lý ấy nếu là thật, thì Đức Phật mới ra đời, sao không sớm nói cho chúng ta nghe?

7. Tức là hội thông xưa, nay.

Pháp sư Đạo Tuệ ghi rằng: “Phân tích rộng phẩm này thành bốn đoạn:

1. Đại chúng buồn thương thở than.

2. Đức Phật mở bày tông chỉ Niết-bàn.

3. Nói pháp tu thù thắng.

4. Hội thông.”

Lại nói: chia làm chín đoạn.

1. Sắp Niết-bàn, cho đến mặt đất rung chuyển.

2. Đại chúng nói bài kệ và ví dụ để thỉnh Phật ở đời.

3. Đức Phật nói hai bài kệ, để ngăn đại chúng thỉnh cầu.

4. Nếu có ai nghi ngờ, Đức Phật sẽ mở rộng đầu mối của thưởng, vô thưởng, xóa bỏ mọi nghi ngờ, khuyên họ cứ hỏi, tức nói ba quan điểm Niết-bàn.

5. Vì Tỳ-kheo chưa thể lãnh thọ, nên lại khen ngợi giáo pháp xưa là đúng.

6. Đức Phật vì các Tỳ-kheo nói ba pháp tu vượt hơn.

7. Tỳ-kheo lại thỉnh Phật ở đời. Đức Phật lấy Ca-diếp để làm y chỉ, ngăn dứt hai lần thỉnh kia.

8. Lại dùng ví dụ châu báu, nhằm khuyên các Tỳ-kheo hãy bỏ pháp tu xưa kia để tu pháp tu vượt hơn ngày nay.

9. Hội thông cái không được của ngày xưa, tức nói lên ý được nói của ngày hôm nay. Sáu đoạn sau, tự lệ thuộc nhau.

Pháp sư Trí Tú nói: “Từ đây đến phẩm Trường Thọ cho đến câu

hỏi của đồng tử Ca-diếp, là thứ hai, chính thức nói, đại ý có sáu đoạn:

1. Hiện tại mặt đất rung chuyển, nói lên Phật sẽ đến.
2. Chúng đương thời nói kệ và năm ví dụ để thỉnh Phật trụ lại đời.
3. Đức Phật nêu các pháp để khuyên hỏi.
4. Nói phương pháp tu vượt hơn để đoạt chấp.
5. Nói ví dụ thầy thuốc, hội thông xưa, nay.
6. Làm lại sáu phiên, chỉ nêu pháp để khuyên.”

Pháp sư Pháp An nói: “Phẩm này mở rộng đoạn hai của Tông chỉ, có ba phần:

1. Chê bai việc thỉnh, từ đầu phẩm, đến cuối phẩm là Niết-bàn của chữ Y.
2. Chấp giáo pháp xưa để thỉnh, từ chỗ liền nói về vô thường, cuối cùng đều ba pháp tu.
3. Nay dùng giáo để thỉnh, từ “Như lời Đức Phật nói lia bốn điên đảo”, là phẩm cuối.

Trong ba phần đều có hai lần lặp lại: Năm ví dụ từ đầu đến cuối, là Thể của Thỉnh. Kế là, từ “Đức Phật bảo các Tỳ-kheo” v.v... trở xuống, là đáp lời thưa hỏi.

Theo lần thỉnh thứ hai, trước từ “Vui lòng nói, v.v... trở xuống, chấp giáo xưa để thỉnh: “Con đã thông hiểu, cúi mong Đức Phật trụ lại thế gian để giảng dạy. Kế là, từ “Đức Phật khen Tỳ-kheo” v.v... trở xuống, là đáp lời mình đã thỉnh, rằng chỉ tập giáo hôm nay lia được bốn đảo.

Y theo lần thỉnh thứ ba, đầu tiên, từ “Lia bốn đảo, nghĩa là cuối cùng theo Đức Phật nhập Niết-bàn, rằng nếu Đức Phật là thường, thường thì không diệt, sao không trụ lại thế gian để giáo hóa dẫn dắt ta ư?

Kế là, từ “Ta trao gửi chánh pháp cho Ca-diếp, để đáp lại lời thỉnh”.

Minh Tuấn nói: “Phẩm này đại khái chia làm năm đoạn:

1. Đại chúng thấy mặt đất rung chuyển, biết là biểu hiện diệt, bèn buồn thương, thở than nói năm thí dụ, nhằm để thỉnh Phật.
2. Đức Phật nói hai bài kệ, ngăn dứt sự thở than thấm thương của đại chúng.
3. Chỉ nêu pháp, khuyên hỏi. Cuối cùng là dụ châu báu.
4. Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe nói ví dụ châu báu, bắt đầu tỏ ngộ về lý. Vì lẽ đó, nên nêu câu hỏi: Vì sao không nói ngay ư?
5. Đức Phật dùng ví dụ thầy thuốc mới cũ, để hội thông xưa nay.

Y theo đoạn đầu, có ba chương:

1. Trái qua nhà để nêu lên việc mặt đất rung chuyển.
2. Đại chúng nói kệ tự trình bày.
3. Dùng năm ví dụ chê bai việc thỉnh.

Trong đoạn hai có hai chương:

1. Lời nói gợi gắm cảm kích thiết tha: “Rằng chớ như phàm phu”.
2. Dùng kệ nói pháp, để ngăn thương phẩm cầu thỉnh.

Trong đoạn ba có năm lượt lật lại:

1. Chỉ nêu pháp để khuyến khích thưa hỏi.
2. Tỳ-kheo chấp sở đắc xưa, không hiểu chỉ thú nay.
3. Đức Phật nói về pháp tu vượt hơn, dứt bỏ cái mình đã chấp.

4. Tỳ-kheo nghe vượt hơn, đây tức là cái xưa của mình là sai, Đức Phật dạy pháp tu nay là đúng. Do mình chưa hiểu, nên vẫn cố tình thỉnh Phật ở đời mãi, rằng Đức Phật đúng ra nên ở đời để dạy ta sao cho hiểu được pháp tu vượt hơn, nên đem thân mạng để cầu thỉnh.

5. Đức Phật dùng ví dụ châu báu để nói lên sự mê mờ kia.

Đoạn thứ tư, thứ năm không giải thích rộng nữa.

“Thuần-đà đi rồi, không bao lâu” cho đến “Cho nên, mặt đất ở đây rung chuyển mạnh như thế.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Đức Phật và Thuần-đà nói về nghĩa cảm ứng thường trụ, đủ ở văn trên. Sau khi Thuần-đà đi rồi, người nên sinh tâm hoài nghi mà chưa hỏi ngay, nghĩa là rất mong Đức Phật sống lâu, nên hiện phải bỏ đi, thôi thúc khiến thưa hỏi.

Về nghĩa của rung chuyển sáu cách đã được mô tả đầy đủ trong Kinh Hoa Nghiêm. Ở đây có hai ý: Trước kia, làm tâm của chúng sinh động. Trong động có tiếng, nói là tướng to, nhỏ. “Từ tầng trời Đâu-suất giáng xuống” cho đến “rung chuyển mạnh như thế”, thì chắc chắn có sự kiện lớn.

Địa Hữu học có ba thứ, Địa Vô học có ba thứ, mà năm thứ đã qua, đây là thứ sáu.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Vì không có người gõ mà phát ra nên mặt đất rung chuyển, để nói lên Niết-bàn, là đầu mối nhanh chóng khuyến thỉnh kia. Niết-bàn của chữ y do đây mà nêu lên.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là tướng thứ bảy. Ý sau của điềm lành này chẳng phải vì mời gọi chúng, chỉ cho người đương thời thấy được ánh sáng uy nghi của Đức Phật điềm nhiên. Tình ý, tình nhỏ lại hiện ra tướng này, để nói lên phải bỏ đi.

Dưới đây sẽ nói về ví dụ hai người già, trẻ: Thứ nhất, tự bày tỏ nỗi khổ của mình để thỉnh, mà chê bai Đức Phật, có ba ý:

1. Nói mười một hàng rười kệ, chính thức bày tỏ nỗi khổ mà thưa thỉnh.

2. Hai hàng kệ sau, nói rằng nếu Đức Phật ở lại đời thì sẽ có ích dứt trừ các khổ. Thưa thỉnh xong, Đức Phật im lặng.

3. Lại dẫn việc chê bai Đức Phật.

Pháp sư Trí Tú nói: “Đây là đoạn thứ nhất, trong đất có tiếng ở đây, nói về hai nghĩa:

1. Báo cho biết hôm nay có sự rung chuyển lớn.

2. Báo cho biết sự rung chuyển này là tướng Niết-bàn.

Pháp sư Tuệ Lăng nói: “Cuối phẩm trước, Đức Phật phát ra ánh sáng từ miệng, phẩm này, đầu tiên là mặt đất rung chuyển, đều là muốn vì người cơ căn bậc hạ mà nói về thường.

Từ phát ra ánh sáng từ miệng, nói xong kệ.

Thứ nhất trong sáu đoạn, hiện tướng Niết-bàn, gồm có ba chương, đây là chương thứ nhất.

“Bấy giờ, các trời, rồng, Càn-thát-bà” cho đến “Như lai thấy rằng sự buông bỏ, cũng như nhổ bỏ đám dãi.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nói về khổ mà Đức Phật đã dứt bỏ.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây nói xong năm thí dụ. Đoạn hai, tự bày tỏ nỗi buồn than để thỉnh Phật.”

“Ví như mặt trời mới mọc, ánh sáng chói chang rực rỡ” cho đến “Ví như núi Tu-di”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu Đức Phật trụ ở đời, thì sẽ có lợi ích như thế.

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như nhà vua sinh và nuôi nấng các con” cho đến “Cúi mong Đức Phật ở lâu trên đời, không nhập Niết-bàn”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Hai chương trên, bày tỏ đủ sự tổn hại, lợi ích của ra đi, ở lại, phơi bày nỗi khổ của mình để thỉnh Phật mà không nhờ đức Từ đoái tưởng. Dưới đây, nói xong văn xuôi, dùng năm thí dụ Đức Phật quá khứ:

1. Nói không có điều thiện bắt đầu, để cho tốt đẹp sau cùng.

2. Nói lấy hữu vi làm khổ, vô vi làm niềm vui. Vì sợ hữu vi, nên Đức Phật ch phải vô vi.

3. Nói vô vi không có niềm vui, vì con ở trong ngục, cha không được vui làm thí dụ.

4. Từ mà không bình đẳng.

5. Đều không có lòng Từ.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ này nói dù được chánh kiến, nhưng Bát-nhã chưa đủ, nên tha thiết thỉnh Phật trụ ở đời để thành tựu Bát-nhã cho ta.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bốn bộ không phải một là dụ cho các con, nói về tuệ không ư? Ví dụ cho xinh đẹp. Đầu tiên, Đức Phật dạy định, tuệ để ta tu học, sinh tuệ mạng cho ta. Nên đeo đuổi tuệ cao quý, giáo pháp do lý sâu thì tuệ mạng không dứt. Nay, Đức Phật đã ra đi, tuệ cao quý không nối tiếp nữa, chẳng phải là giết chết con hay sao?”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Ta chưa tránh khỏi bốn ma, còn kiến chấp thì Phật đã rũ bỏ sạch, há không phải trao con cho Chiên-đà-la ư?”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như giác ngộ, học giỏi các luận” cho đến “tức là không còn sợ đọa vào địa ngục nữa”.

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ này nói về Đức Phật, là đáng đầy đủ tất cả Bát-nhã, lẽ ra nên ở đời giảng nói cho chúng ta nghe. Nếu nhập Niết-bàn thì dường như đối với các pháp Ngài sợ mà không nói”.

Pháp sư Đàm Tế nói: “Dường như Đức Như lai sợ pháp hữu vi.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như có người mới học nghề” cho đến “Sao Đức Như lai thọ lãnh sự yên vui cho được?”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ này nói rằng, ta chưa được giải thoát, nên muốn thỉnh Phật ở đời, hầu dạy bảo cho ta.”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Dụ cho Sơ nghiệp của Tiểu thừa, nhà tù là Vô minh. Có người hỏi, thì đó là Bồ-tát.”

Kính Di ghi lời của Tăng Tông rằng: “Theo giáo pháp của Thanh văn tu hành là dứt bỏ các phiền não, là công việc mới bắt đầu làm. Người kia vì không thể siêng năng tu học, nên mắc tội phải ở trong ngục. Nay nói dù dứt trừ “Hoặc” thô, nhưng tế thì không nghiêng đổ, vì lẽ đó, nên đã bị quả năm ấm lũng đoạn, giam nhốt”. Có người hỏi họ nhận lãnh tội gì? Là thiên hạ có việc hay không, người chung quanh lại cố ý hỏi, vẫn không thể làm lợi ích. Nếu Đức Thế tôn quyết định bỏ chúng con ra đi mãi mãi thì đâu khác gì kẻ ở gần nói chuyện phiếm không xác thực, kẻ không có lòng từ.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như thầy thuốc hiểu rành các môn thuốc” cho đến “Kính mong Đức Thế tôn ở lâu trên đời này, chớ nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Nếu Đức Phật không ở lại trên đời để dạy bảo chúng con được giải thoát, tức là Ngài đã để dành phương thuốc bí truyền, chỉ trao riêng cho con ruột mà không truyền cho các

học trò khác. Đức Như lai hoàn toàn không hề phân biệt đối xử thân, sơ, không dạy dỗ chúng con, khác nào như vị thầy thuốc kia.”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Dù có lòng Từ mà tâm vẫn còn phân biệt hơn kém, thắng thua, thì sẽ tổn thương cho bình đẳng.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như người già, người trẻ mắc phải chứng bệnh khốn khổ” cho đến “Ở lâu trên đời, chớ nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ này, nói rằng, mình mới bắt đầu học tập ngần ấy, nên chưa thành pháp thân. Vì lẽ đó nên thỉnh Phật ở đời để giúp đỡ cho việc tu học của chúng con, thì pháp thân mới thành tựu được.”

Pháp sư Đàm Tế nói: “Nếu người có lòng từ, thì nên cứu vớt nỗi đau khổ. Nay, đã bỏ khổ, chẳng lẽ cho là có lòng từ hay sao?”

“Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo” cho đến “Xa lìa các phi pháp, hãy tự an ủi, thọ nhận niềm vui mừng, yên vui.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chính vì Từ bi nên Đức Phật thị hiện diệt độ, cụ thể như đoạn văn trước nói. Chỉ vì ái của phàm phu, “Duyên” bi nặng nề, nên không thể tỏ ngộ đạo lý. Nay, Đức Phật bảo riêng với các Tỳ-kheo để khích lệ mọi người.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là lời khuyên thứ hai, có ba ý:

1. Giới, thời gian, chúng.

2. Khuyên trong nhân quả chung.

3. Khuyên xả bỏ sở đắc ngày trước, tu chữ Y của hôm nay. Đây chính là thứ nhất của Tỳ-kheo, răn dè phàm phu.

Pháp của Chư Phật như thế, nghĩa là hễ có cảm thì có ứng. Cảm hết, về chân. Vui không buông lung. Đức Phật dạy khuyên chúng ta phải nghiêm giữ giới, giữ tâm, nhớ nghĩ chân chánh tu định. Câu sau, là tu tuệ.

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây là đoạn ba, chính thức chỉ nêu các pháp, nói lại bổn ý của Đức Phật, khuyên thưa hỏi, có ba phần:

1. Sắp thưa hỏi: Trước dùng hai bài kệ để ngăn ngừa tâm tán loạn của các Tỳ-kheo.

2. Nói rộng các pháp, khuyên nêu câu hỏi.

3. Lại nêu ra duyên khác, khuyên nêu câu hỏi.

Đây là phần thứ nhất, chấm dứt rối loạn lo buồn của đại chúng kia.”

“Lại này các Tỳ-kheo! Nếu có ai còn nghi ngờ” cho đến “Như lai sẽ thuận theo mà giải quyết cho các thầy.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Dù Đức Phật đã nói nghĩa bất diệt

cho Thuần-đà nghe, nhưng các Tỳ-kheo vẫn cố chấp giáo xứ không thôi. Ở đây sẽ giải thích nghĩa ấy, để chứng minh rằng, giáo pháp xưa, nay vẫn đều là nhiệm mầu tốt đẹp.

Xưa nói: “Tất cả đều rỗng không, vốn vì chúng sinh chấp mắc “Hoặc” của ba cõi. Do đó dứt trừ chứng bệnh không là trống rỗng. Nói dấu vết đã tản mạn, đáng lý gây ra nỗi ngờ vực. Nay chấp nhận nghi ngờ đó, lời nói nhỏ nhặt được bày tỏ, dẫn dắt kẻ sống trái với giác, trở về với tông chỉ.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Về phần mở rộng tông chỉ, có lược, rộng. Đây là khuyến khích cách hỏi rộng rãi. Các Tỳ-kheo quán bốn phi thường, dứt trừ nghi ngờ về Phật thành đạo. Nghe nói Đức Phật thường trụ, nên sinh ngờ vực về quả này, tức là việc đáng hỏi mà không ai hỏi, tất nhiên cho thuyết xưa là thật. Nếu cho thuyết xưa là thật thì sau cùng sẽ không tỏ ngộ được giáo pháp hiện nay. Thế nên gọi là phát sinh mỗi nghi ngờ kia.

Xưa, nói tất cả trống rỗng, nay lại nói không là trống rỗng, là điều đáng nghi ngờ.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đây là phần thứ ba trong phần mở rộng tông chỉ. Phần thứ nhất trước kia, nhờ bố thí nói về thường. Phần thứ hai, Thuần-đà đã vượt lên đại chúng để mong thỉnh Phật trụ lâu ở đời.

Nay, đây là môn khuyên răn thứ ba, nói về nghĩa thường. Sở dĩ sắp đoạt lấy nên khuyên thưa hỏi trước, là vì dùng năm ví dụ để chê bai Phật. Hoặc nói là bốn sển pháp, hoặc cho rằng lòng từ nghiêng lệch, riêng tư. Nay, Đức Phật khuyên các Tỳ-kheo ấy hãy nên hỏi về chỉ thú mở bày tông chỉ trên. Phát ra hai giáo hiện nay, ngày xưa, chứng tỏ cả hai thứ đều không thể thỉnh, vì họ chưa thấu suốt, nay nên nghi ngờ.

Sự sinh tử là không, là giả dối, chung quy trở về chỗ trống rỗng. Niết-bàn tròn đầy cùng cực, yên lặng tồn tại mãi, là không là trống rỗng.

Xưa kia nói vô thường nằm trong ba cõi, nay nói vô thường nằm ngoài ba cõi.

Xưa, lấy ba vô vi làm thường, nay, nói về “Diệt hữu” cho là thường.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây là phần thứ hai, chỉ nêu nhân quả, khuyên chung nên hỏi.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Phần hai, chỉ nói rộng các pháp, để khuyến khích nên hỏi.

“Cũng sẽ vì các ông, Như lai trước nói pháp Cam lộ, sau đó mới

nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nếu vì quyết không nghi ngờ, không biết mà hỏi, thì Như lai cũng sẽ tự nói cho ông nghe, cuối cùng, sẽ không để cho ông phải rơi vào lưới nghi ngờ.”

Pháp sư Tăng Lượng nói rằng: Ông tự có nghi ngờ mà không thể hỏi. Như lai sẽ nói cho ông nghe, sau đó mới nhập Niết-bàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là đáp chung về ý chê bai thỉnh Phật qua năm ví dụ ở trước. Từ khi ra đời đến nay, Đức Thế tôn đã giảng nói nhiều về khổ, vô thường, dứt trừ bốn thứ điên đảo khác. Hôm nay, Ngài còn nói về Thường, Lạc, đầy đủ vào đạo, vì sao lại sinh sinh ý chê trách rằng Đức Phật không có đầu cuối ư? Giáo pháp mà Ngài đã nói xưa nay đều là chân lý cùng tột sâu xa mâu nhiệm, há có lỗi sợ pháp hay sao? Nay, trước khi nhập Niết-bàn, Như lai sẽ nói rộng nghe về lý cùng cực của Cam lộ cho ông, mong sao cho ông sớm được pháp Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thì đâu có trái với bản nguyện của Như lai? Hơn nữa, hôm nay, Như lai muốn cho ông nhận thức thường, vô thường, được bình đẳng với Văn-thù, chẳng lẽ nói là lòng Từ nghiêng lệch, riêng tư hay sao? Từ khi ra đời đến nay, Như lai đã chỉ dạy cho ông con đường chân chánh như thế. Giờ đây còn dạy cho ông được biết rõ đạo nhiệm mâu Cam lộ, há cho rằng Như lai không có lòng từ ư?”

“Này, các thầy Tỳ-kheo! Phật ra đời là khó, thân người khó được” cho đến “như tìm cát vàng, và hoa Ưu-đàm-bát-la.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cái gọi là sắp đoạt, tất nhiên là sẽ cho.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Từ trước đến nay là khuyên thưa hỏi. Dưới đây là đoạt, có bốn đoạn:

1. Đoạt quả.
2. Đoạt nhân.
3. Chỉ nêu ví dụ châu báu, nói về lý do của quả xưa là giả dối.
4. Kết hội hai giáo.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây thứ ba, là khuyên bỏ quả đã được khi xưa, gồm có bốn ý:

1. Trước là Đức Phật khen các Tỳ-kheo lìa năm nạn đồng thời khuyên răn.

2. Chính thức đoạt quả.
3. Đoạt nhân đã thực hành trước kia.
4. Đức Phật khuyên phải giữ lấy quả thường hiện nay.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Dưới đây làm xong như chữ Y của thế gian,

phần thứ ba lại chỉ nêu duyên khác để khuyên hỏi, gồm có ba chương:

1. Nêu đức của Tỳ-kheo.
2. Nêu sự lỗi của Tỳ-kheo.
3. Nêu giáo sắc chân thật của Phật để, khuyên thưa hỏi.”

“Các Tỳ-kheo thoát khỏi tám nạn, được thân người là khó” cho đến “Vì thế, các thầy không nên buông lung.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Trước và nay đoạt, trước nói riêng về vô thường là nói phương tiện của thường, nên ông mới chấp cho là đủ, không còn cầu tiến nữa, há chẳng phải là người buông lung luống qua hay sao?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Tỳ-kheo đã, hết lòng thỉnh Phật ở đời. Đức Phật không bằng lòng trụ lại, bèn khuyên nên thưa hỏi. Lý đã nêu lên, chẳng phải cảnh giới đó, phương pháp dứt bật hỏi han, thưa thỉnh chính là lùi lại để giữ gìn cái mình đã được, thôi dứt con đường tiến tới. Vì kế thừa ý niệm này nên có lời trách cứ luống qua. Chỉ nêu lối tu khổ hạnh xưa kia, để nói về trách nhiệm khó khăn của Đấng Đại từ”.

“Này các Tỳ-kheo! Thế nào là trang nghiêm” cho đến “Gặp thành báu, lấy những vật luống dối”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Ví dụ này nói rộng về việc trên, ngôi thành, dụ cho Niết-bàn”.

Pháp sư Tăng Tông nói: “Quả Phật dứt trừ mọi lụy phiền, dụ cho ngôi thành đề phòng mọi sai quấy. Giới ngăn ngừa lỗi ở ngoài thân, miệng, như bức tường. Nước định là hào bao quanh thành. Tuệ có công năng quyết đoán, dứt bỏ việc xấu ác, như sai khiến tội tử. Giữ lấy sở đắc kia, nghĩa là nhặt lấy vật luống dối”.

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thứ hai là được quả. Thành báu không tự thể, vì do các báu hợp thành. Nếu một tính chất không đủ thì sẽ không được xứng đáng gọi là Đại Niết-bàn. Thuyết đã nói khi xưa, chính là thuyết trong nhân duyên của Niết-bàn”.

“Các thầy chớ dùng tâm thấp kém” cho đến “Chưa vì chánh pháp mà dứt sạch các kiết sử”.

Xét: Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là thứ ba, được rồi. “Sở nhân” của ngày xưa, gồm có bốn trường hợp, chỉ khuyên bảo hãy quên đi, hoài bão hai tu mà bậc nhất là đức.

“Dù mặc ca-sa”: Đây là môn đầu tiên mới học chẳng liên quan đến con đường cùng cực của chân.

“Này các Tỳ-kheo! Nay, các thầy phải chân thật” cho đến “Là thuốc hay chữa lành các phiền não”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sự chân thật, nghĩa là lý thường. Lý thường rất khó hiểu. Đã không phải sự yếu hèn của tâm tán loạn mà biết được, nên phải gom nhiếp tâm mình. Chỉ có mặt trời Phật mới có công năng soi sáng. Một khi Mặt trời Phật đã lặn mất thì các thầy sẽ bị vô minh che lấp, làm sao nhìn thấy được ư? Địa đại là quả báo chung của chúng sinh. Pháp Phật cũng giống như thế, vốn vì chúng sinh, nên cầu sự chân thật này, tức pháp của chúng sinh đã xong”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Mặt trời tuệ mười Lực đã lặn, nghĩa là thời, cơ khó khác nhau. Cổ cây là dụng của chúng sinh, thuốc pháp giúp ích cho tư chất, để dứt trừ tai hại. Đã có thuốc pháp, cho nên thời gian không thể mất”.

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là phần thứ tư, khuyên tu nhân hiện nay, nhận lấy quả hiện nay. Khi sắp khuyên tu, trước hết dùng một câu để răn dạy rồi. đại khái phát ra thể tướng thường trú rằng: “Pháp tánh của Như lai chân thật không điên đảo. Ngày xưa cũng nói rằng pháp tánh mà là giáo pháp đoạn diệt, ngay nay, nói về thể của quả thường trú, “Trăm phi” đã không thật có. Chẳng có “Cái có” cũng chẳng có “Cái không có”, nghĩa là “Chẳng có tướng” của một tướng, không đoạn, không thường. Tâm vương như thế chẳng lẽ là điên đảo ư? Tức sinh ba pháp làm phương pháp tu nhân, đó là tinh tấn, nhiếp tâm và mạnh mẽ”.

“Nay, Như lai sẽ làm cho tất cả chúng sinh” cho đến “Đều được trong tạng bí mật.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhập, là lý thường trụ. Xưa kia vì bị vô thường che lấp, nên chúng sinh không nhìn thấy. Nay, vì được nhìn thấy, nên gọi là nhập.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước đây mở mang sơ lược tông chỉ thường, chưa xuất phát thể thường. Nay, đã được sơ đắc kia, thì phải làm rõ tướng đó.

Bí mật, nghĩa là pháp mà mười Địa không nhận thấy, chỉ có Đức Phật mới hiểu rõ, các đức được chứa đựng nghĩa ở trong quả tròn đầy, gọi là tạng.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Trụ: Có ba địa vị, đó là Tín, Kiến, Đắc. Vì sao? Vì từ phạm ngoại, đến chín địa, được gọi chung là Tín trụ. Địa thứ mười, gọi là Kiến trụ, chỉ có Đức Phật mới ở địa vị Trụ.”

“Như lai cũng sẽ an trụ, nhập Niết-bàn trong Trụ vị này.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì Đức Phật được Thường nên gọi là Trụ. Vì chúng sinh mà nhập Niết-bàn, nên Đức Phật không diệt, nhập

là dấu vết của thân tượng sáu. Duyên hết, trở về với chân. Vì y theo ứng thân không hiện, nên nói là Nhập.

“Thế nào gọi là tạng bí mật” cho đến “Gọi là nhập Niết-bàn, như chữ Y ở đời.”

Pháp sư Đạo Sinh nói: “Chiếu soi cùng cực tự nhiên, đối với tông chỉ tồn tại ở trên. Vì hàng trên không thể hiện đều, nên hàng ngang tất nhiên không đúng. Đã dứt trừ hệ lụy thì gần giải thoát. Đối với dưới đều ứng, gồm thì sắc thân là đều có. Vì chẳng có trước sau, nên hàng dọc cũng không đúng. Vì lý ba điểm không lia nhau, nên riêng khác, rất không đúng. Vì cho nên yên lặng, chẳng khác nhau, cũng như chữ Y.

Đã nói là Thường thì đâu có nay diệt, nay diệt, thì chẳng phải thật. Sắc thân thì tồn tại. Một lời nói che lấp tất cả, dụ như chữ Y.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nếu đều thì thân có năng phát trí, vì tác dụng của trí tròn đầy. Ba pháp đều cùng thường, công năng trí đã vượt hơn. Vì vượt hơn, nên không đều. Hàng dọc cũng không thành, nghĩa là vì diệt của thân, trí không có hơn, kém.”

Ba mắt trên mặt: Bát-nhã ở trên, cả hai thứ thân và giải thoát không có hơn, nên đều xếp ở dưới. Đây là giải thích về sự duyên nhau của ba đức, lý do được thường. Nếu riêng lẻ thì không nhân nhau. Thân được trí, không do trí mà được diệt, đây là đều không có. Đủ ba pháp này nên nói là an trụ. Gọi là nhập Niết-bàn, nghĩa là pháp thường không có diệt, vì chúng sinh mà diệt.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ba pháp đều khác, nghĩa là thể khác thì có phần, có phần thì vô thường, chẳng lẽ đều khác mà hợp thành Niết-bàn ư? Lại, dù nói rằng mỗi thứ đều “Không đúng”, nhưng ngoài “Không đúng” này, cũng lại “Không có”.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Đều không thành nghĩa là nói về công dụng khác nhau. Hàng dọc không thành: Nói về nghĩa không vượt hơn, thua kém. Sự riêng khác không thành, nghĩa là nói không thể khác.

Giải thoát cũng “Phi”: Đây là tổng hợp hai trường hợp trước: Nếu nói công dụng giải thoát tức là công dụng của pháp thân thì không đúng. Ba pháp khác nhau, nghĩa là hợp với pháp thứ ba, công dụng của pháp thân thì không phải như vậy. Ba pháp khác nhau, nghĩa là hợp với pháp thứ ba, nếu là trường hợp khác, nói giải thoát cũng không phải có, nghĩa là chỉ một nghĩa chính là dứt hệ lụy ràng buộc, không gồm thâu các đức tròn đầy.

Câu văn ẩn lược: “Đặc ý, nghĩa là nên nói rằng giải thoát không phải Niết-bàn đã thành thể tròn đầy. Vì sao? Vì ba đức thành tựu tạng

bí mật, đây là gồm thâu hết công đức của Phật địa. Về mặt ba đức, mỗi đức đều gồm thâu một nghĩa, đây là nắm lấy riêng khác, thì làm sao gồm thâu hết, nên nói chẳng phải Niết-bàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đều, nghĩa là cùng lúc đều có, dùng làm thí dụ. Vì sao? Vì xưa kia lấy sự dứt bỏ vô vi làm Niết-bàn, nhưng vì vô vi này đều có chung với thân, trí, nên không phải chữ Y của ngày nay. Dục, nghĩa là lấy trước, sau làm mất, cũng ví như ngày xưa không có Niết-bàn. Nghĩa là vì trước có thân, tiếp theo có trí, sau có diệt, nên nói là “Phi”. Như ba mắt, là tên dùng hai câu chẳng phải xưa. Câu này chính là hiện nay. Nghĩa là muôn điều trên đều nói về Niết-bàn.

Nếu ba điểm khác nhau, nghĩa là trên ba đức, mỗi đức đều nhận lấy khác nhau, cũng không được. Câu dưới nói rằng pháp thân cũng không phải bình đẳng. Ba pháp đều khác cũng không đúng, nghĩa là mỗi pháp đều có tự thể riêng.”

“Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật, Thế tôn” cho đến “Rất là bậc nhất trong các tướng.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Nghe nói Niết-bàn như chữ Y của thế gian, mới tỏ ngộ được ý chỉ vô thường mà ngày xưa nói, dừng ở ba cõi mà xa cách với thường.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Nhận hiểu về thỉnh. Nghe ví dụ về chữ Y hiện nay, hiểu được tất cả vô thường mà xưa kia Phật nói là phương tiện, nhưng phương tiện này lại có khả năng dứt trừ các kiết thật của ba cõi, còn gì vui sướng bằng?”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Phật nói thường của Niết-bàn chữ Y, cho nên nói cái chẳng phải Niết-bàn là vô thường. Lại tự cho rằng hiện nay, hiểu rõ được chỉ thú của thuyết vô thường xưa chẳng phải Phật, chính là vì để nói lên Phật là thường, có thể nói là thuyết thú vị.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Trước kia giải thích ba nghĩa với chỉ thú nhiệm mầu, sâu sắc, tìm tòi ở tâm, ngoài phần tầm tối, thì nghe nói diệt. Bỏ ứng về bốn, vì cách trở xa với vật, nên lo buồn.

Thích thú nói vô thường, nghĩa là nói chữ Y, không phải cái mà tâm hiểu được. Con đường phía trước khó bước qua, lùi lại để giữ gìn giáo pháp trước kia, vậy phải lấy gì để chỉ bày ư? Giáo pháp xưa của Đức Như lai dạy bảo ta tu học quán vô thường... để xa lìa “Hoặc” ba cõi, y theo lời Phật dạy tu hành, kết quả sẽ thoát khỏi đau khổ, cho nên không khó.

Giáo pháp ngày nay: Hiện nay, dù nói thường mà ta chưa chứng được, ta đã chưa được thì sự tồn tại của Như lai, kết hợp với nhìn thấy

diệt độ, dù có nói thường, nhưng không thấy thường đó. Nếu Đức Phật không ở đời thì thuyết xưa đáng tin cậy. Vì cho nên khen ngợi.

Dấu chân voi là hơn hết: Nghĩa là câu trên khen giáo pháp. Câu này khen theo giáo pháp sinh ra hiểu biết.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Dưới đây, văn thứ hai trong môn Thỉnh, chỉ thứ lớn có hai:

1. Đức Phật nói hai mươi lăm hữu, tạo ra quán năm môn, mà vì Đức Phật là thường, nên được biết từ Kim Cương trở xuống là sinh tử, mà tâm sau cùng là thường. Ta là người được dạy dỗ, Đức Phật nên trụ ở đời.

2. Dù Đức Phật đã vì ta nói Niết-bàn chữ Y, nhưng ta không biết phải làm thế nào để được.

Theo phần thỉnh thứ hai, có ba đoạn:

1. Nói ta là người được giáo hóa. Vì đại khái có sự hiểu biết, nên trước dùng hai ví dụ để khen năm món khổ, không, vô thường, dứt trừ “Hoặc” hiện nay, vượt hơn giáo pháp ngày xưa.

2. Từ ví dụ Đế Vương, cuối cùng đến ví dụ người say, là lời thỉnh chính thức.

3. Từ câu: “Khen cây chuối v.v... trở xuống, chấp giáo xưa để cầu xin Đức Phật, nếu Phật không trụ ở đời thì ta sẽ tìm tòi học tập theo giáo xưa, chung với tu khổ, vô thường trên của Đức Phật.

Thích thú: Thích thú về năm môn quán trong phẩm Thuần-đà ở trên. Trong phẩm Thuần-đà nói thường, vô thường. Nay, chỉ khen lý vô thường, vì vô thường, trước nay đã quán. Về lý thường, vốn là pháp chưa thấu suốt. Lưu lại lý thường này để làm lời thỉnh, nói ta chưa hiểu, Đức Phật nên trụ ở đời để dạy dỗ ta. Vì nếu ta đã hiểu được chỉ thú thường hôm nay, thì đâu cần thỉnh làm gì?”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đoạn thứ tư dưới đây là dứt chấp, có bốn phần:

1. Chính là chấp.
2. Dứt chấp.
3. Thỉnh Phật trụ ở đời.
4. Phật đáp.

Từ đây đến cuối mà có các kiến chấp, thì không có việc đó.

1. Thích thú với giáo xưa, định nêu lời thỉnh trái lại.

Pháp sư Minh Tuấn nói: “Dưới đây làm xong đối với tướng vô ngã khuyến hỏi.

2. Trái với thẳng pháp khuyến hỏi đã nêu trên, chẳng phải là pháp

của mình hiểu, nên mới chấp vào giáo xưa. Có ba bậc:

1. Khen ngợi giáo vô thường xưa, mà ta đã hiểu.

2. Chỉ nêu các ví dụ như Đế vương v.v..., nói về pháp mình chưa hiểu, nghĩa là tồn tại ở giáo nay, mà Đức Phật không trụ ở đời để dạy bảo, làm sao cho ta hiểu được ư?

3. Chỉ khen các giáo như vô ngã v.v...

“Nếu có người siêng năng tinh tấn tu tập” cho đến “Vô minh, kiêu mạn và tưởng vô thường.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Chỉ nêu thật kiết của ba cõi, nhằm chứng tỏ năng lực của giáo vô thường. Không nói sâu, vì dễ dứt trừ.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Nếu ai siêng năng tu tưởng vô thường, thì sẽ không lìa “Hoặc” ba cõi và ngược lại với tưởng vô thường trên của Đức Phật. Về nghĩa giảng nói chính là ở đây.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Nếu là tập quán tiền phương tiện của “Không quán” thì sẽ chẳng dứt trừ được kiết. Nay, dùng quán không hợp với hiểu biết vô thường, tức là “Tuệ Không”, tạo nên danh, thuyết của tưởng. Nếu không như thế, thì sẽ trở lại tiền phương tiện của “Thủ không”, chế phục các kiết. Do đoạn sau chế phục, nên nói chung là đoạn. Và tưởng vô thường, nghĩa là vô thường của “Chấp đoạn”!”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là đối tượng dứt trừ kiết sau cùng trong môn tư duy, nên nói riêng, chứ không phải dứt trừ thô trước. Tưởng vô thường là dứt trừ cả điên đảo trên của Phật.”

“Bạch Đức Thế tôn! Nếu Đức Như lai đã lìa hẳn tưởng vô thường” cho đến “Vô minh, kiêu, mạn và tưởng vô thường.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Ở trên nói rằng: Tu vô thường có công năng trừ bỏ tưởng vô thường.” Tưởng là tên của tuệ, giống như khiên và giáo (mâu thuẫn), nên lại nói về tưởng.

Nếu lìa, nghĩa là không tu tưởng vô thường thì không có Bát-nhã. Bát-nhã đã không có thì sẽ không có giải thoát, nay, đâu được nhập Niết-bàn ư? Nếu không lìa, thì sẽ lấy tưởng của thuyết xưa làm tưởng vô thường, đây là điên đảo, đâu được nói là với mạn... đều lìa ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thỉnh là được lý quán, nghĩa là cảnh, trí không lìa nhau. Nếu Như lai là thường, thì sẽ lìa hẳn tưởng vô thường, vì chúng sinh thì không nên nhập Niết-bàn. Trên đã nói chúng sinh hữu vi, do đó nên được có thỉnh. Nếu không lìa, nghĩa là nếu Đức Phật không trụ ở đời, thì về lý, thường tự diệt quán vô thường, không bao giờ lìa ví dụ chữ Y của Đức Phật, lại càng thêm “Hoặc” điên đảo.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Hương về tốt đẹp, ưa thích nói về tướng

vô thường, có công năng dứt trừ hoặc chấp thường v.v... trong ba đời. Và trái với tướng vô thường trên của Đức Phật. Nay, kể là, khen tướng này cũng có thể được thưởng. Vì sao? Vì nếu Đức Như lai vốn không tu tướng vô thường, thì sẽ không biết vô thường tồn tại phi Phật, thưởng ở nơi Phật thì làm sao được tu vô thường không lẫn lộn, nhập Niết-bàn chữ Y ư? Luận này đã giải thích giáo ngày nay, không nói giáo ngày xưa. Nếu không lia, thì lời nói này giải thích giáo ngày xưa. Nếu quả tu tướng vô thường thì tướng vô thường này lẫn lộn với Phật, chẳng những không nhận thức về nghĩa thưởng mà cũng chưa nhận biết sâu sắc về nghĩa vô thường, đâu được dứt trừ hết “Hoặc” của ba cõi và trái với tướng vô thường ở trên của Đức Phật.

Các Tỳ-kheo nói về hai trường hợp được mất này, tự bày tỏ mình đã giải ngộ chỉ thú vô thường, trở nên thành hương về ý thích thú đã nói.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Ý Tỳ-kheo nói: “Vì ta chưa gây ra việc cùng cực, thì phải diệt thân, sau mới khởi khổ. Nay, cao tìm, Như lai không đồng với con, nghĩa là đã nói là thưởng trụ thì đâu đợi diệt thân mới gọi là Niết-bàn ư? Nếu không lia, là chấp lấy ý của Phật. Nếu nói con cũng không lia, tức là Đức Phật đồng với con, thì không nên nói tu tướng vô thường là sai.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là lời tỉnh, hai bài kệ thưởng, lạc trong phẩm trước, đã lia trường hợp vô thường. Nếu theo lời nói này, thì Đức Phật đã lia tướng vô thường, cũng không nên nhập Niết-bàn, nghĩa là ứng thân này chính là vô vi chưa tự tại của Pháp thân. Nếu quả không tự tại thì làm sao nói ta là Thường trụ? Nếu không lia thì quả nay của Phật mà nhập Niết-bàn, tức là chưa lia tướng vô thường, đâu được nói là ta đã lia vô thường.”

Pháp sư Trí Tạng nói: “Lìa, là tên khác của Diệt. Tướng là tên khác của “Tuệ Không”. Trước kia, Phật nói: “Muốn nhập ba điểm Niết-bàn, nếu diệt “Tuệ Không” thì sẽ không có Bát-nhã, há có Niết-bàn của ba điểm để nhập ư? Nếu không lia nghĩa là lấy ý Phật, nếu nói không diệt tuệ này thì sao ở trước nói là diệt tướng vô thường? Đây là “Tuệ Không” không được, không diệt, ba điểm ở yên.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như nhà nông vào lúc trăng thu” cho đến “Trong các tướng, tướng vô thường là hơn hết.”

Xét: Pháp sư Đàm Tế nói: “Đây là do chê bai mà tỉnh Phật trụ ở đời. Vì nếu Đức Phật thật nhập Niết-bàn, thì biết rằng tướng vô thường là vượt hơn.

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như Đế vương biết trước mạng mình sắp chết, liền quyết định ân xá các người phạm tội trước khi qua đời.”

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Sự yêu thương của Đế vương, là yêu thương cả một nước, còn ban hành sắc chỉ ra ân, ân xá các người phạm tội. Đức Phật thương xót tất cả chúng sinh mà không thấy khó nhọc ư?”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Dù nói là giáo xưa không đúng, giáo hiện nay là đúng, nhưng chưa được dụng tâm thì cũng vẫn bị vô minh ràng buộc, chưa được giải thoát. Do đó phải hiểu rõ giáo pháp Phật.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đây là lời thỉnh trong chương hai.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như có người bị quỷ bắt giữ” cho đến “Pháp giải thoát như chữ Y của thế gian”.

Xét: Pháp sư Tăng Lượng nói: “Thầy thuốc thế gian với tâm yêu thương nông cạn, mà còn không bỏ người bệnh, huống chi thầy thuốc ra đời mà không cứu giúp chúng ta hay sao?”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ trên nói về người chưa giải thoát, ví dụ này nói về người chưa được Bát-nhã.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Người Thanh văn dù dứt thô mà tế vẫn còn. Đức Phật là thầy thuốc hay. Ví dụ trước, nói về sự tai hại của quả, ví dụ này nói về tai hại của nhân.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như voi lớn bị người bắt trói” cho đến “Sao Đức Như lai muốn bỏ mà nhập Niết-bàn?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Bồ-tát như voi lớn, Thanh văn chưa được như thế, sao Đức Thế tôn có thể bỏ ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Vì Đức Phật tạo nên lỗi. Nghĩa là nói lòng từ bình đẳng của Như lai không được riêng vì các Thanh văn hiện thân, mà còn giáo hóa Bồ-tát ở phương khác nữa. Nếu vậy, thì lòng từ vốn cứu giúp khẩn cấp. Con đã không thể tự giải thoát, nên khổ nặng là gấp rút. Bồ-tát vì có khả năng tự giải thoát, nên khổ nhẹ, chẳng phải gấp rút!

Năm mươi bảy là nương vào kiết trên, gọi là ái, mạn, vô minh. Về chiều ngang thì chung cả năm hành, thành mười lăm. Về chiều dọc thì chung cho cả ba cõi, hợp thành bốn mươi lăm. Vô thường là kiến, bốn đế cũng chung cho cả ba cõi, bốn đế có mười hai, hợp chung thành năm mươi bảy.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ này nói được chưa như đại Pháp thân tự tại.”

Pháp sư Tăng Tông nói: “La-hán dứt bỏ hết phiền não, không còn

tập khí nối nhau, nên nói có năm mươi bảy.”

Lại giải thích: “Không do dứt trừ kiến thủ, trí quán chiếu y cứ bốn Đế của ba cõi thành mười hai. Trí bị “Hoặc” nhỏ nhiệm làm mờ tối, tức là vô minh, cũng gọi là phiền não.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Đối với Phật, khởi lên ba đảo: Vô thường, khổ, vô ngã. Ở đây ba phiền não chứng tỏ kiến không có tạo ra bốn đế để đối trị: Một đế trở xuống có ba, thành mười hai, cộng thành bốn mươi lăm. Bốn đảo không là chấp không: “Không tức vô ngã, lại không có nghĩa riêng. Bất tịnh vì vốn chẳng quán lý, cho nên không chấp,”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như người bị bệnh sốt rét, may mắn gặp được bác sĩ,” cho đến “Sao Đức Như lai lại nở nở bỏ mà nhập Niết-bàn.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Cho dù nương vào giáo xưa được giải thoát, nhưng đối với giáo khác vẫn chưa hiểu rõ.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Lại vì Đức Phật, gây ra lầm lỗi: Nếu Từ, thì phải cứu vớt kẻ khổ đau nặng nề, lẽ ra nên bỏ Thánh để theo kẻ phàm tục. Vì người phàm chấp thường, nên Đức Phật ứng hiện diệt. Nếu vậy, con có nửa bệnh, cho nên lấy chứng sốt rét làm thí dụ, Đức Phật nên cứu giúp con.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ này nói không có Niết-bàn thường, lạc. Vì lẽ, dù tránh khỏi khổ phần đoạn, mà khổ biến dịch vẫn còn, là bệnh nửa ngày.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Bệnh sốt rét ý nói chín mươi tám sử chúng con đều chưa dứt bỏ.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Đức Phật đã dứt bỏ phiền não thô của ngã, tức suốt ngày không phát sinh, mà phiền não nhỏ nhiệm, là căn bản vẫn chưa dứt bỏ, như ghẻ lở chưa phát.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như người say rượu, không tự hay biết” cho đến “Sao Đức Như lai lại nở nở bỏ mà vội nhập Niết-bàn?”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Hiểu một nửa còn phải dạy dỗ thêm, huống chi hoàn toàn chưa hiểu ư?”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Rằng bệnh của người Thanh vẫn hoàn toàn đồng với phàm phu, chẳng phải bệnh nửa ngày. Vì sao? Vì nếu các Thanh văn hiểu rõ ba cõi vô thường thì không nên khởi tưởng vô thường, tức là không hiểu rõ nhân duyên, có đủ chấp thường của ba cõi. Về mặt lý, thì đồng với phàm phu.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Ví dụ lúc người phàm phu say rượu năm dục, thì tình nặng, căn tánh chậm lụt. Vì thế, nên nay, phải phát có

hiểu, nhưng vẫn chưa tỉnh, sao Đức Như lai lại nở bả họ mà nhập Niết-bàn?”

Pháp sư Tăng Tông nói: “Bốn ví dụ trên là nói cho bậc Thánh, ví dụ này là nói cho cả phàm và Thánh.”

Pháp sư Trí Tú nói: “Ví dụ này so với ví dụ bệnh sốt rét trên, về sự thì khác nhau, mà về lý thì đồng, đều dùng chưa dứt hoặc làm dụ.”

“Bạch Đức Thế tôn! Ví như có người khen cây chuối” cho đến “Mà có các kiến, thì không có việc đó.”

Xét: Pháp sư Đạo Sinh nói: “Xưa do Đức Phật nói, nay cũng chính Đức Phật nói. Sự hiểu biết xưa kia đã sai thì cái hiểu hiện nay đâu thể đúng. Vì thế lại chấp sự hiểu biết khi xưa, rồi phán quyết đối với Đức Phật.”

Pháp sư Tăng Lượng nói: “Cho rằng Đức Như lai là thường. Nói theo lý thì lẽ ra nên tự tại, mà nay, thỉnh không được ở đời, tức là không được tự tại, tức là xưa nói vô ngã là thật, nay nói tự tại, lẽ ra là giả dối? Như Đức Phật đã nói, nghĩa là giáo pháp nay, xưa đều do Đức Phật nói. Nay nói chưa hẳn hoàn toàn đúng, nên dẫn xưa để phán quyết.”

Pháp sư Pháp Dao nói: “Từ khi nói thích thú đến nay, Tỳ-kheo dù tự nói mình hiểu, nhưng cũng chưa tự xem xét. Nay, muốn lấy quyết định đối với Đức Phật, thì nên trình hiểu biết xưa, khen tư tưởng vô ngã là chân. Nếu Phật là sai thì nay hiểu là đúng. Nếu Ngài không sai, thì sự hiểu biết hôm nay làm sao đúng được?”

Ví dụ cây chuối, hiểu rõ vô ngã. Ví dụ nước thấm ướt, chỉ cho lời nói thật về thân kia. Về lý tự vô ngã, không cần lời nói, tâm kia tự hiểu. hoa bầy cánh, tu hành vô ngã, được nhập Niết-bàn.”

Pháp sư Bảo Lượng nói: “Chương ba này nói muốn trở lại tu tập giáo pháp xưa.

